TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2017
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Hồng B (U), sinh năm 1962; địa chỉ: số 666B, ấp 2, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C (C), sinh năm 1962; địa chỉ: ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Hồng B (U) trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C đám cưới năm 1982, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B ngày 02 tháng 8 năm 1996. Sau khi cưới cuộc sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất hòa. Nguyên nhân một phần do vợ chồng bất đồng về quan điểm, từ cách sinh hoạt trong gia đình đến chi tiêu tiền bạc và một phần do ông C thường xuyên rượu chè say

xỉn về đánh đập bà gây thương tích. Lúc đầu do các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng, thường xuyên khuyên chồng bớt rượu chè lo làm ăn để các con có gia đình tròn vẹn. Tuy nhiên, ông C vẫn không chịu sửa đổi mà trong thời gian đi làm bên ngoài ông C ngoại tình với người phụ nữ khác. Sau khi biết được bà vẫn tha thứ cho ông C, thế nhưng trong thời gian sống chung ông C vẫn hay đánh đập bà vô cớ, việc ông C đánh đập bà các con trong gia đình đều biết nhưng không khuyên giải được ông C. Đến năm 2014, do cha bà bệnh nên bà về sống tại nhà cha ruột ở thành phố B để chăm sóc cha bà nhưng cách vài ngày bà trở về nhà ở M một lần và thỉnh thoảng ông C cũng lên nhà tại thành phố B ở. Tuy nhiên, khi lên thành phố B ở thì ông C thường xuyên say xỉn, ghen tuông vô cớ rồi đánh đập bà. Cách nay 02 tháng ông C ghen tuông vô cớ rồi đánh bà sưng vùng mặt nên từ đó bà sợ hãi rồi không về nhà ở M nữa, hai bên không còn gặp mặt nhau nhưng ông C thường xuyên nhắn tin chửi mắng, đe dọa bà. Bà thấy mâu thuẫn giữa bà và ông C đã trầm trọng, không thể hàn gắn được do tính tình ông C ghen tuông vô cớ và thường xuyên hành hung đánh đập bà, bà không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Việc ông C cho rằng bà ngoại tình bị ông C bắt được là hoàn toàn không có, mà do ông C có tính đa nghi, bà giải thích nhưng không chịu nghe rồi mượn cớ say rượu về đánh đập bà.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/12/1982 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 02/6/1993. Hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn C (C) trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà Lê Thị Hồng B về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Tuy nhiên, về mâu thuẫn của vợ chồng thì do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều điều bất đồng về tiền bạc, về cách sống nên từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ông thừa nhận trong thời gian chung sống những lúc vợ chồng bất hòa cự cãi, do tính tình nóng nảy không kìm chế được nên có đánh bà B một hai lần. Cách nay khoảng 03 tháng, bà B lên nhà ở thành phố B sống rồi ngoại tình với người khác bị ông bắt gặp được, ông đã yêu cầu bà B chấm dứt nhưng bà B vẫn tiếp tục dây dưa cùng người đó, vì vậy ông mới đánh bà B. Sau sự việc ông đánh bà B, ông điện thoại nhưng bà B không bắt máy, vợ chồng sống ly thân đến nay. Ông biết mâu thuẫn giữa ông và bà B đã trầm trọng, khó hòa giải được để

hàn gắn với nhau nhưng hiện nay vợ chồng đều đã lớn tuổi, có thông gia rồi nên ông không đồng ý ly hôn. Ông muốn vợ chồng hàn gắn, ông cam đoan sẽ bỏ rượu nếu bà B chịu trở về chung sống cùng ông.

Ông thừa nhận trước đây khi ra ngoài làm ăn ông có phát sinh quan hệ với người phụ nữ khác, việc này bà B có biết nhưng không nói gì và cách nay 02 năm ông đã chấm dứt mối quan hệ trên.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/12/1982 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 02/6/1993. Hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Bà B và ông C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng hai bên không hòa giải được. Bên cạnh đó, ông C còn thường xuyên đánh đập bà B, bà B xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông C. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, cuộc hôn nhân này không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng B.

Về con chung: Do 02 con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng B và ông Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 02 tháng 8 năm 1996 nên quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông C là hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn cuộc sống chung của bà B và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, chi tiêu tiền bạc và một phần do ông C thường xuyên rượu chè say xỉn. Lúc đầu khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã trao đổi cùng nhau để gỡ bỏ vướng mắc, tiếp tục xây dựng cuộc sống chung. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ông C ghen tuông rồi rượu chè say xỉn về đánh đập bà B, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn.

[3] Tại phiên tòa, bà B cho rằng bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông C, do trong thời gian chung sống bà đã nhiều lần cho ông C cơ hội nhưng ông C vẫn không sửa đổi, bà không còn tin vào lời hứa của ông C nữa nên không đồng ý hàn gắn với ông C, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông C đã xảy ra từ lâu nhưng cả hai không có biện pháp hòa giải, khắc phục để dung hòa cuộc sống chung. Bên cạnh đó, ông C còn có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà B. Trong khi một hôn nhân hạnh phúc và bền vững phải xuất phát từ hai phía, vợ chồng cùng chung sức vun đắp tình cảm cũng như tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà B và ông C không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông C đã lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng B đối với ông Nguyễn Văn C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/12/1982 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 02/6/1993, đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về tài sản chung: Do không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Do không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lê Thị Hồng B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận cho bà Lê Thị Hồng B (U) ly hôn với ông Nguyễn Văn C (C).

2. Về con chung: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/12/1982 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 02/6/1993, đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Hồng B phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012308 ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân sơ thẩm bà B đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Nhi